

# Các ngã đường của PHONG TRÀO ĐÔNG DU TRUNG QUỐC THỜI CẬN ĐẠI

NGUYỄN VĂN VƯỢNG

*Viện Nghiên cứu Trung Quốc*

## I. VỀ THUẬT NGỮ "ĐÔNG DU"

"Đông du" là một khái niệm bao gồm hai từ "đông" và "du". Đây là một cụm từ Hán - Việt dịch ra tiếng Việt thì "đông" có nghĩa là phía/hướng đông, còn "du" nghĩa là đi. Vì vậy cả cụm từ này sẽ được dịch là đi về phía đông/ phía mặt trời mọc.

Ở Việt Nam, thuật ngữ "Đông du" xuất hiện lần đầu tiên trong tập hồi ký của Phan Bội Châu viết tại Huế trong thời gian ông bị thực dân Pháp giam lỏng và sống những ngày tháng cuối đời. "Người nước ta Đông du lần này nhiều nhất, lại đủ cả học sinh Tam Kỳ, trong một chiếc tàu, thực là một việc lạ mà tiền sử chưa có bao giờ"<sup>(1)</sup>.

Theo *Phan Bội Châu niên biểu* thì thời điểm xuất hiện khái niệm "Đông du" mà Phan Bội Châu sử dụng là lúc ông cùng lưu học sinh đến Nhật Bản lần thứ hai.

Tuy nhiên, những từ có liên quan đến từ "đông" hay đi sang "đông", nghĩa là đi sang Nhật Bản đã xuất hiện vào những

thời điểm trước đó. Trong bài *Đề tỉnh quốc dân ca* có câu:

"Gương Nhật Bản đất Á Đông

Dòng ta ta phải soi chung kéo lằm"<sup>(2)</sup>.

Hay ngay ở phần mở đầu bài *Khuyến quốc dân tư trợ học văn*, Phan Bội Châu viết để kêu gọi nguồn tài chính cho phong trào du học Nhật Bản có đoạn "Hỡi ơi! Thương thay! lên núi Côn Lôn mà trông về phía bắc, đứng bên sông Khổng mà ngó sang đông"<sup>(3)</sup>.

Như vậy là, trước khi xuất hiện khái niệm "Đông du" thì một số từ có liên quan đến việc đi về phía đông đã xuất hiện. Vậy bản chất của "Đông du" là gì? Cho đến nay, trong giới nghiên cứu vẫn chưa thống nhất cách giải thích thuật ngữ "Đông du". Ít nhất có bốn cách hiểu khác nhau:

*Thứ nhất*, coi "Đông du" là "về mặt địa lý ở về phía đông nước ta, phía mặt trời mọc nên mới có tên là đi sang đông (Đông du)"<sup>(4)</sup>.

*Thứ hai*, có nhà nghiên cứu cho rằng: *khái niệm "Đông du" về mặt địa lý thì*

chỉ có ở Trung Quốc, còn ở Việt Nam phải sử dụng thuật ngữ "Đông bắc du"<sup>(5)</sup>.

Thứ ba, trong Đại từ điển tiếng Việt có định nghĩa về "Đông du" như sau: "Du học các nước phía đông"<sup>(6)</sup>.

Thứ tư, có ý kiến cho rằng: "Với ý định "câu viện trợ" về binh lính, vũ khí và tiền của, đầu năm 1905, Phan Bội Châu và một số người khác lên đường sang Trung Quốc để tìm đường sang Nhật Bản. Chính điều này đã mở đầu cho một phong trào du học mà lịch sử gọi là "phong trào Đông du"<sup>(7)</sup>.

Nhưng thực tế là đa số các nhà nghiên cứu đều cho rằng "Đông du" là phong trào đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản du học đầu thế kỷ XX. Theo PGS. Nguyễn Văn Hồng thì "Đông du" không những có ở Việt Nam mà còn có ở cả Trung Quốc. Theo ông thì "có lẽ cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng thì chỉ có Trung Quốc và Việt Nam là có hiện tượng Đông du lịch sử"<sup>(8)</sup>.

Quả thật, nếu xét về mặt địa lý thì chỉ có Trung Quốc mới có thể gọi là "Đông du", còn Việt Nam phải là "Đông Bắc du" khi đi sang Nhật Bản. Nhưng theo chúng tôi, đó mới chỉ là cách hiểu bên ngoài của thuật ngữ, nó không lý giải được bản chất của khái niệm.

Công cuộc Duy Tân ở Nhật Bản như một ánh hào quang sáng chói, có tác động to lớn và sâu sắc đến một số nước ở châu Á lúc này như Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Ấn Độ, Indônêxia, Philippin,... Một trào lưu hướng tới Nhật đã nảy sinh. Những nghiên cứu mới nhất của các nhà nghiên cứu lịch sử quan hệ giữa Nhật Bản và các nước

châu Á đã cho ta chứng cứ thuyết phục về trào lưu này.

Như vậy, nếu hiểu theo nghĩa rộng thì phong trào này phản ánh trào lưu của thời đại. Do đó, theo chúng tôi nên hiểu thuật ngữ "Đông du" như sau:

"Đông du" là một hiện tượng mang tính lịch sử khu vực thời cận đại. Nó xuất hiện trong lịch sử Trung Quốc và Việt Nam và gắn liền với một thời điểm lịch sử nhất định.

"Đông du" nên hiểu là phong trào của các dân tộc châu Á sang Nhật Bản với khát vọng tìm chỗ dựa và học tập Nhật Bản. Nó không chỉ diễn ra trong lịch sử Trung Quốc, Việt Nam, mà có ở hầu hết các quốc gia châu Á thời cận đại. Tuy nhiên, Việt Nam và Trung Quốc là điển hình cho trào lưu này.

Thuật ngữ "Đông du" không những chỉ có ở trong sử sách của Việt Nam, mà còn được sử dụng ở Trung Quốc từ rất sớm. Trong lịch sử Trung Quốc thời cận đại, cũng như các công trình nghiên cứu về quan hệ Trung - Nhật của các nhà sử học Trung Quốc và Nhật Bản đều ít dùng thuật ngữ "Đông du", mặc dù xét về mặt địa lý thì chỉ có Nhật Bản mới nằm ở phía đông của Trung Quốc.

Từ trước tới nay đã xuất hiện một số công trình nghiên cứu về vấn đề này như:

Tại Trung Quốc có *Lịch sử du học thời cận đại Trung Quốc*<sup>(9)</sup>, hay : *Học sinh lưu học Nhật Bản cuối đời Thanh*.

Tại Nhật Bản có: *Lịch sử lưu học Nhật Bản của người Trung Quốc* của Saneto Keishu, hoặc *Lưu học Nhật Bản và phong trào cách mạng* của Kamigai do Kenichi.

Khái niệm "Đông du" cũng đã xuất hiện ngay từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX trong các tác phẩm như *Đông du nhật ký* của Hoàng Khánh Trường, hay *Ngu trai Đông du nhật ký* của Thịnh Tuyên Hoài<sup>(10)</sup>.

Như vậy khái niệm "Đông du" cũng được sử dụng để chỉ một phong trào sang Nhật Bản của Trung Quốc thời cận đại. Vậy tại sao khái niệm này đến nay ít được người Trung Quốc dùng. Theo chúng tôi có một số lý do sau:

*Thứ nhất*, về mặt địa lý thì Nhật Bản nằm ở phía đông của Trung Quốc, hai nước này cách nhau một vùng biển. Trong lịch sử, Nhật Bản vốn tách ra khỏi lục địa châu Á từ Trung Quốc. Do gần nhau về mặt địa lý nên nếu sử dụng thuật ngữ "Đông du" với nghĩa là đi sang đông thì không hợp lý lắm.

*Thứ hai*, người Trung Quốc sử dụng khái niệm "du học/lưu học" chính xác hơn, phản ánh bản chất của vấn đề. Người Trung Quốc thời cận đại sang Nhật Bản với mục đích là học tập, thể hiện rõ tư tưởng mới mong muốn học tập Nhật Bản, tiếp thu văn minh phương Tây để tự cường dân tộc. Khái niệm "du học" mang tính cầu thị, thể hiện rõ vấn đề mà người Trung Quốc cần lúc đó.

Phong trào Đông du Trung Quốc cũng có nhiều quan điểm khác nhau về xác định mốc mở đầu và thời điểm kết thúc. Theo Shiraiishi Masaya thì "việc lưu học Nhật Bản của người Trung Quốc bắt đầu từ năm 1896"<sup>(11)</sup>.

Nhưng cũng có quan điểm cho rằng phong trào du học Nhật Bản của người

Trung Quốc còn sớm hơn nhiều, có thể xuất hiện trước năm 1894 - 1895, trước khi Trung Quốc bị Nhật Bản đánh bại ở chiến tranh Triều Tiên và "sức hấp dẫn của Nhật Bản với Trung Quốc có lẽ ươm mầm từ sớm vào những năm 70 của thế kỷ XIX từ cuộc tranh chấp các đảo tại chung quanh Đài Loan sau Nhật Bản Duy Tân"<sup>(12)</sup>. Về thời điểm kết thúc của phong trào Đông du Trung Quốc thời cận đại thì đa số các nhà nghiên cứu đều thống nhất là vào khoảng thời kỳ Cách mạng Tân Hợi năm 1911<sup>(13)</sup>.

Theo chúng tôi, nên lấy mốc 1896 là mốc mở đầu cho phong trào Đông du Trung Quốc thời cận đại. Bởi lẽ trước cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895) đã có người sang Nhật Bản học tập. Trong phong trào Dương vụ, mặc dù phái Dương vụ đề ra chủ trương học tập phương Tây, đưa người sang phương Tây học tập, nhưng vẫn chú ý đến tấm gương của Nhật Bản nên đã cử người sang du học Nhật Bản. Tuy nhiên, phong trào này thực sự trở thành một cuộc vận động xã hội rộng lớn và có qui mô sau khi người Trung Quốc thua trận trong chiến tranh Giáp Ngọ. Người Trung Quốc đã tự ngộ ra rằng, con đường mà người Nhật Bản đi với khẩu hiệu "học phương Tây, đuổi kịp phương Tây, vượt phương Tây"<sup>(14)</sup> đã thành công. Năm 1896 trở đi cũng là thời điểm đánh dấu khuynh hướng chọn Nhật Bản là điểm dừng chân trong con đường hoạt động cách mạng của các nhà cách mạng, tư tưởng của Trung Quốc như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Lỗ Tấn và Tôn Trung Sơn,...

Về thời điểm kết thúc của phong trào Đông du Trung Quốc thời cận đại, chúng

tôi cũng nhất trí với quan điểm lấy điểm mốc là năm 1911. Năm 1911 được nhiều nhà sử học dùng làm mốc kết thúc lịch sử cận đại Trung Quốc, là thời điểm mở đầu lịch sử hiện đại Trung Quốc. Năm 1911 cũng là mốc đánh dấu sự kết thúc của các tư tưởng cải cách Trung Quốc thời cận đại, đã diễn ra từ những thập kỷ 90 của thế kỷ XIX.

## **II. NGUYÊN NHÂN VÀ CÁC NGẢ ĐƯỜNG CỦA PHONG TRÀO ĐÔNG DU TRUNG QUỐC THỜI CẬN ĐẠI**

Phong trào Đông du Trung Quốc thời cận đại kéo dài từ năm 1896 - 1911, số lượng người Trung Quốc yêu nước sang Nhật Bản rất lớn. Chỉ tính riêng từ năm 1900 đến năm 1905 đã có tới hàng vạn người Trung Quốc sang Nhật Bản<sup>(15)</sup>. Trong thời gian sau Mậu Tuất Duy Tân 1896 - 1906, số lượng lưu học sinh Trung Quốc tại Nhật lên đến 800 người, gấp hơn nhiều lần số đang lưu học tại Mỹ và các nước phương Tây khác<sup>(16)</sup>. Cũng có một thống kê rất chi tiết về số lượng lưu học sinh Trung Quốc tại Nhật Bản từ 1899 - 1905: "Số lưu học sinh Trung Quốc tại Nhật Bản học bằng kinh phí nhà nước và tư nhân năm 1899 là trên 100 người, năm 1902 là trên 600 người, năm 1903 là trên 1300 người, năm 1904 là 3000 người và năm 1906 là 8000 người"<sup>(17)</sup>.

Nhìn chung, số lượng lưu học sinh Trung Quốc tại Nhật Bản từ 1896 - 1911 tăng liên tục, càng về giai đoạn cuối càng tăng nhanh. Tuy nhiên, năm 1905, số lượng lưu học sinh Trung Quốc sang Nhật Bản giảm đột biến<sup>(18)</sup>. Theo chúng tôi nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do:

*Thứ nhất*, năm 1905 là năm Trung Quốc có số lượng lớn thanh niên hướng tới mô hình TBCN của Đức. Vì vậy mà số lượng lớn thanh niên sang Nhật học tập bị ảnh hưởng.

*Thứ hai*, năm 1905, chính sách lưu học sinh của Trung Quốc và Nhật Bản có nhiều vấn đề bất cập như cấp học bổng, chế độ đãi ngộ,... Vì vậy đã xuất hiện hàng loạt các phong trào phản đối quy tắc quản lý lưu học sinh, hàng loạt học sinh bỏ về nước.

*Thứ ba*, năm 1905, cuộc chiến tranh Nga - Nhật đang diễn ra, Nhật Bản hạn chế phương tiện ra vào, trong đó có tàu bè từ Trung Quốc tới, do đó lưu học sinh Trung Quốc rất khó đến Nhật Bản. Đây là tình trạng chung của phong trào du học Nhật Bản của các nước châu Á, trong đó có Việt Nam. Chẳng hạn, tháng 2-1905, Phan Bội Châu đã bắt đầu chuyến Đông du, nhưng khi đến Trung Quốc vì không có tàu sang Nhật nên ông phải ở lại Thượng Hải hơn một tháng mới tiếp tục cuộc hành trình.

### **1. Nguyên nhân của phong trào Đông du**

#### **1.1. Tính tất yếu về sự giao lưu văn hoá, quan hệ giữa các nền văn minh thể hiện trào lưu của thời đại**

Các nước Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản sớm chịu sự lệ thuộc, tiếp thu nhiều thành tựu của văn hóa Trung Hoa. Do đó phong tục, tập quán, lối sống văn hóa của nhân dân Đông Á có nhiều điểm tương đồng. Tuy nhiên, thông qua ảnh hưởng của mình, văn minh Trung Hoa không những ngày càng nâng cao vị thế, mà còn biết chắt lọc, tiếp thu tinh hoa của nền văn minh khác. Đặc biệt thời

cận đại, khi Nhật Bản cải cách Duy Tân thành công, Trung Quốc ngưỡng mộ và quyết tâm học Nhật Bản để thực hiện ước vọng phú cường. Phong trào Đông du Trung Quốc thời cận đại một phần phản ánh mối giao lưu văn hóa, quan hệ giữa Trung Quốc và Nhật Bản nằm trong sự va chạm mang tính tất yếu giữa các nền văn minh. Phong trào Đông du sang Nhật Bản học tập không những có ở Trung Quốc mà nó diễn ra ở hầu hết các quốc gia châu Á, phản ánh một xu thế coi nước Nhật là khuôn mẫu, biểu hiện của trào lưu thời đại.

Nhật Bản trở thành điểm đến của những nhà cải cách Philippin, của đất nước non trẻ Indônêxia, những con người trong phong trào dân tộc Mianma, Ấn Độ, Triều Tiên và của những sĩ phu yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX.

### 1.2. Xuất phát từ nhu cầu nội tại của Trung Quốc thời cận đại

Sau cuộc chiến tranh Nha phiến 1840, Trung Quốc trở thành một nước phụ thuộc vào phương Tây. Từ đó, các phong trào yêu nước, đấu tranh, cải cách của nhân dân Trung Quốc đã lần lượt bùng nổ. Sự thất bại của các phong trào yêu nước như Phong trào nông dân Thái Bình Thiên Quốc; phong trào Dương vụ, người Trung Quốc ngộ ra rằng "*Tàu Tây nhanh hơn, súng Tây mạnh hơn*" nên đã ra sức học tập khoa học kỹ thuật của phương Tây, nhưng cuối cùng không thành công. Đó là một sự thức tỉnh đúng lúc, nhận thức phải học tập phương Tây mới có thể tiến kịp thời đại. Giới trí thức Trung Hoa sau khi phong trào Dương vụ thất bại cũng đã hiểu ra rằng không phải đi đâu để học hỏi mô hình phương Tây mà nó nằm

ngay bên cạnh mình, đó chính là mô hình của Nhật Bản đã thử nghiệm thành công. Vậy là phong trào Duy Tân Mậu Tuất bê nguyên mô hình của Nhật Bản vào Trung Quốc. Sau khi Duy Tân Mậu Tuất thất bại, người Trung Quốc tiếp tục sang Nhật Bản học tập với chủ trương và nội dung mới.

Như vậy, phong trào Đông du Trung Quốc diễn ra đan xen với các phong trào đấu tranh của nhân dân. Trung Quốc nhận thấy cần phải có một mô hình mới, con đường mới, tư tưởng và khuôn mẫu mới để đưa Trung Quốc có thể tự cường. Do đó, nhu cầu du học, học tập nước ngoài nằm trong sự đòi hỏi của xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ. Nó trở thành "*nhân tố đẩy*"<sup>(19)</sup> người Trung Quốc sang Nhật Bản du học.

### 1.3. Sức hấp dẫn của đất nước Nhật Bản

Sức hấp dẫn của Nhật Bản đối với Trung Quốc được ươm mầm từ sớm. Nhật Bản trong công cuộc cải cách Minh Trị (1868-1912) đã "làm say mê các dân tộc châu Á"<sup>(20)</sup> trong đó có Trung Quốc. Cuộc đọ sức giữa Nhật Bản với Trung Quốc trong cuộc chiến tranh Giáp Ngọ, hiệp ước Tân Sửu buộc Trung Quốc phải gánh chịu khoản bồi thường chiến phí lớn, mất chủ quyền ở nhiều vùng lãnh thổ, cùng với việc mở toang cánh cửa Trung Quốc vào sâu trong lục địa đến tận vùng Tứ Xuyên, Trùng Khánh<sup>(21)</sup>. Đến cuộc chiến tranh Nga - Nhật năm 1905, Nhật lại chiến thắng một đế quốc lớn phương Tây. Người Trung Quốc thấm thía câu nói với ước vọng "*Sư Di trường kỹ dĩ chế Di*" (tôn người phương Tây lên làm thầy về khoa học kỹ thuật để chế ngự người phương Tây). Điều mà

người Trung Quốc không làm được thì người Nhật Bản đã thành công chỉ chưa đầy 40 năm khi Minh Trị bắt đầu công cuộc Duy Tân. Nhật Bản là "biểu tượng cho một mô hình phát triển mới" làm cho Trung Quốc và châu Á phải "ngưỡng vọng, tin theo và muốn lựa chọn một con đường đi tương tự như Nhật Bản để chấn hưng đất nước, xây dựng dân tộc tự cường"<sup>(22)</sup>. Đám Tự Động cũng phải thốt lên rằng: "Muốn cứu nguy dân tộc, trước hết phải làm cho Trung Quốc giàu mạnh, muốn Trung Quốc giàu mạnh chỉ có con đường Duy Tân, học tập các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây. Nhật Bản vốn là một đảo quốc nhỏ bé mà đánh bại Trung Quốc, đủ thấy hiệu quả của việc học tập các nước tư bản chủ nghĩa"<sup>(23)</sup>.

Giới trí thức Trung Quốc nhận ra rằng: Muốn thắng tư bản thì phải dùng hệ tư tưởng mới hơn hoặc ít nhất bằng họ. Vì vậy, thông qua phong trào Dương vụ, Trung Quốc đã học tập phương Tây về khoa học kỹ thuật. Phong trào Dương vụ không thành công, người Trung Quốc ngộ ra rằng không cần đi đâu xa mà đến ngay Nhật Bản cũng có thể học tập được phương Tây. Trương Chi Động, một thanh niên xuất sắc của Trung Quốc đã từng viết "Sang Nhật Bản du học so với sang Âu - Mỹ gần đường và ít tốn kém..., văn hóa Nhật Bản gần gũi với văn hóa Trung Quốc, dễ hiểu. Sách Tây rất phức tạp, những gì không thiết thực người Nhật đã lược bỏ rồi"<sup>(24)</sup>. Nhật Bản trong và sau cải cách Minh Trị đã trở thành một nước TBCN đầu tiên ở châu Á, chỉ trong vòng 21 năm (1868-1889) đã có 2299 người nước ngoài bao gồm Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Hà Lan, Italia đến dạy học ở Nhật Bản. Nhật Bản thời Minh

Trị trở thành một cường quốc ngang tầm với các nước Âu - Mỹ. Lúc bấy giờ, Nhật Bản là điểm tốt nhất châu Á cho việc tiếp cận với tư tưởng mới và khoa học tiên tiến của phương Tây. Nhật Bản cũng là nơi có nhiều sách của phương Tây nhất châu Á với đủ các nội dung về văn học, kinh tế, chính trị, pháp luật, thống kê, triết học và đặc biệt là sách khoa học kỹ thuật. Nhật Bản cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX trở thành nhịp cầu tiên phong chuyển tải tư tưởng mới vào phương Đông, mở đường cho tư tưởng khai sáng của châu Âu thâm nhập vào châu Á, cổ súy cho việc canh tân đất nước để thoát khỏi ách thống trị của thực dân.

#### ***1.4. Những điều kiện thuận lợi khi đến Nhật Bản so với đến phương Tây***

*Thứ nhất*, người Trung Quốc sang Nhật Bản để học khoa học kỹ thuật Âu - Mỹ. So với sang phương Tây, sang Nhật Bản "gần đường, văn hóa ngôn ngữ gần loại hình, thời gian học ngắn hiệu quả, chi phí rẻ"<sup>(25)</sup>.

*Thứ hai*, những Tân văn, Tân thư phương Tây được người Nhật dịch ra tiếng Nhật. Sách phương Tây rất phức tạp, những gì thiết thực người Nhật giữ lại, phong tục tập quán Nhật Bản gần với phong tục Trung Quốc, dễ học tập, dễ tiếp thu. Người Trung Quốc nhận thức được rằng sang Nhật Bản học tập kinh nghiệm về chủ nghĩa tư bản là tốt hơn, đây là một nhận thức khôn ngoan. Bởi vì học tập con đường Nhật Bản đã trải qua, đã thử nghiệm, không phải mò mẫm sang phương Tây xa xôi, nếu sang phương Tây thì phải mất một thời gian trải nghiệm thực tế.

*Thứ ba*, xét trên bình diện văn hóa thì Trung Quốc và Nhật Bản có nhiều điểm tương đồng, đặc biệt là về vấn đề Nho giáo. Nhật Bản cũng đã ảnh hưởng chữ viết của người Trung Quốc. Theo thống kê và tính toán sơ bộ thì trong "ngôn ngữ Nhật Bản có tới trên 50% từ gốc Hán"<sup>(26)</sup>. Vì vậy, một trong những lí do để thanh niên Trung Quốc lưu học hàng loạt ở Nhật Bản cũng là do sự thuận lợi trong việc hiểu tiếng Nhật. Những sách của chủ nghĩa khai sáng Trung Quốc cũng lấy từ Nhật Bản, cuốn Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản của Marx - Engels cũng được dịch từ tiếng Nhật.

### **1.5. Sự thỏa hiệp của Chính phủ hai nước Trung Quốc - Nhật Bản**

Phong trào Đông du Trung Quốc được tiến hành một cách rất thuận lợi là do không bị chính quyền nhà Thanh cản trở. Do sự bất tay đó nằm trong chương trình hợp tác của hai quốc gia, số lưu học sinh Trung Quốc cử đi học được chính phủ Nhật Bản cung cấp học bổng. Theo hiệp định giữa Chính phủ Nhật Bản và Công sứ nhà Thanh tháng 8 - 1903 về vấn đề lưu học sinh Trung Quốc tại Nhật, được thiết lập tại phố Kawada quận Vshigome dưới sự quản lý của Bộ tham mưu lục quân Nhật Bản: Tất cả học sinh vào ở kí túc của trường, thời hạn học tập lúc đầu là một năm ba tháng, nhưng những người vào học từ tháng 10 - 1905 thì thời hạn là 1 năm 6 tháng. Học sinh tốt nghiệp được vào thực tập tại các trung đoàn quân đội các nơi ở Nhật Bản, sau đó được vào học sĩ quan lục quân<sup>(27)</sup>.

Trong số học sinh lưu học Nhật Bản của Trung Quốc từ 1896 - 1911, đông

đảo nhất và có tiếng vang lớn nhất là lưu học sinh Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây. Theo thống kê, năm 1902 lưu học sinh Vân Nam tại Nhật được nhà Thanh cấp học bổng chỉ có 10 người, đến năm 1904 tăng lên khoảng 140 người, chiếm 10% tổng số lưu học sinh nhà Thanh năm 1904<sup>(28)</sup>. Vì sao số lượng lưu học sinh Trung Quốc tại Nhật Bản, trong đó Vân Nam, Lương Quảng lại đông như vậy? Theo chúng tôi có những lí do sau đây:

*Thứ nhất*, các tỉnh Vân Nam, Lương Quảng là những vùng đất đặt dưới sự thống trị trực tiếp của đế quốc. Sống dưới chế độ phong kiến trong thời suy tàn vốn đã hà khắc, nay lại phải gánh chịu ách bóc lột của thực dân, đời sống của người dân ngày càng khó khăn, ngột ngạt về chính trị. Tuy đây là những vùng đất có thể nói ít có truyền thống học vấn nhưng trước thách thức và sự thay đổi lớn về đời sống xã hội đất nước Trung Hoa, họ đã dấy lên trong lòng một nhiệt huyết mong muốn thoát khỏi ách nô lệ, lên đường đi ra nước ngoài tìm tòi, học hỏi tri thức mới trong khi các phong trào đấu tranh trong nước đều thất bại. Họ mong muốn sau khi quay về nước, bằng những tri thức đã học được, họ trực tiếp tham gia vào phong trào cách mạng giải phóng quê hương mình. Quảng Đông, Quảng Tây là những vùng đất sớm tiếp xúc với văn minh phương Tây. Nơi đây cũng là địa điểm quan trọng cho sự giao lưu tiếp xúc bằng đường thủy với thế giới bên ngoài thông qua thương nhân. Vì vậy chính vị trí địa lý đó đã góp phần thúc đẩy và tạo ra nhiều cơ hội cho thanh

niên Vân Nam, Lương Quảng thực hiện ước mơ của mình.

*Thứ hai*, Vân Nam là vùng đất tiếp giáp trực tiếp với phía Tây Bắc và phía Bắc của Việt Nam. Lương Quảng là nơi gần Việt Nam ở phía Đông Bắc. Chính vị thế này đã được chính quyền nhà Thanh nhìn nhận và có một kế hoạch chiến lược rất rõ ràng. Nhà Thanh lựa chọn thanh niên ưu tú ra nước ngoài học tập, trở thành hạt nhân nòng cốt trong việc bảo vệ Vân Nam, Lương Quảng. Bởi Chính phủ nhà Thanh rất lo sợ Pháp sẽ cấu kết với đế quốc xâm lược Trung Quốc từ Việt Nam. Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây sẽ là bức tường bao vững chắc cho Trung Quốc ở phía Nam nếu thực dân Pháp xâm lược bằng đường bộ; Lương Quảng sẽ là thành trì kiên cố ở phía Đông Nam Trung Quốc nếu Pháp liên kết với Anh, Mỹ xâm lược Trung Quốc bằng đường thủy. Hơn nữa, tuyến đường sắt Vân Nam đi từ Hải Phòng qua Lào Cai đến Côn Minh tỉnh Vân Nam sẽ là một tuyến đường quan trọng cho thực dân Pháp thực hiện ý đồ xâm lược. Chính phủ nhà Thanh biết, Pháp chuẩn bị từng bước để sau này cai trị Vân Nam. Đó cũng là lý do vì sao người Vân Nam rất quan tâm tới Việt Nam là vì Việt Nam là cứ điểm để Pháp tấn công Vân Nam. Như vậy không thể coi là không có một vấn đề nghi vấn rằng Lương Khải Siêu có thực sự quan tâm tới đường sắt Vân Nam hay không khi kết giao mật thiết với Phan Bội Châu và những thanh niên lưu học Việt Nam tại Nhật. Cũng đề cập về vấn đề này, Shiraiishi Masaya - một chuyên gia Nhật Bản về Phan Bội Châu và phong trào Đông du đã nhận định rằng: "Tại

sao Lương Khải Siêu kính trọng nhân vật Phan Bội Châu như vậy? Lý do quan trọng nhất là dĩ nhiên ông Lương muốn tìm hiểu tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp"<sup>(29)</sup>.

*Thứ ba*, một số nhân vật tiền bối đóng vai trò khai phá là người Vân Nam, Lương Quảng đã sang Nhật. Ân Thừa Hiếu, Dương Chấn Hồng, Triệu Thân, Đường Kế Nghiêu chính là lớp thanh niên đàn anh đã gây cơ sở, thành lập nên các hội lưu học sinh người Vân Nam nhằm lôi kéo, thúc đẩy, động viên thanh niên Vân Nam, Lương Quảng ô ạt sang Nhật du học.

Như vậy, nhu cầu nội tại đặt ra cho Trung Quốc thời cận đại góp phần thúc đẩy phong trào du học đóng vai trò như là "*nhân tố đẩy*", những thuận lợi bên ngoài đóng vai trò là "*nhân tố kéo*"<sup>(30)</sup>.

## **2. Những ngã đường của phong trào Đông du Trung Quốc**

Về phương tiện đưa người Trung Quốc sang Nhật Bản trong phong trào Đông du, do hai nước cách nhau bởi vùng biển rộng lớn, hơn nữa do điều kiện lịch sử chưa cho phép, vì vậy phương tiện cơ bản và hữu hiệu nhất là các con tàu vượt đại dương. Đặc biệt với sự phát triển về khoa học kỹ thuật của phương Tây, các cuộc phát kiến địa lý của người châu Âu được thực hiện thành công nhờ việc cải tiến kỹ thuật đóng tàu. Những con tàu này được người phương Đông, đặc biệt là giới thương nhân Trung Hoa và Nhật Bản áp dụng.

Tuy nhiên, xét về các điểm xuất phát của phong trào Đông du Trung Quốc, có thể kể đến một số địa điểm sau:



Điểm xuất phát thứ nhất từ *Trung Quốc rời đi sang Nhật Bản*: Đây là con đường đi sứ của quan lại nhà Thanh sang Nhật Bản, là con đường của thanh niên Trung Quốc sang Nhật học tập bằng kinh phí của nhà nước hoặc bằng con đường tự phí. Các điểm xuất phát trên đất Trung Quốc thường từ các cảng Quảng Châu, Thượng Hải, Phúc Kiến,... *Đây là con đường chính thống của phong trào Đông du Trung Quốc.*

Điểm xuất phát thứ hai có thể kể đến là *Hồng Kông* hoặc *Triều Tiên*. Tuyến đường Trung Quốc - Hồng Kông - Nhật Bản là con đường của Tôn Trung Sơn, Khang Hữu Vi. Hành trình Trung Quốc - Triều Tiên - Nhật Bản cũng là tuyến đường được những nhà Đông du chọn lựa. Rất nhiều nhà hoạt động chính trị đã đến Hồng Kông và Triều Tiên để hoạt động trước, sau đó mới tìm đường sang Nhật Bản.

Điểm xuất phát thứ ba chính là từ *phương Tây đến Nhật Bản* mà đại diện là Tôn Trung Sơn. Tôn Trung Sơn là một người ra nước ngoài từ nhỏ, ông đã đến Anh, Pháp, Mĩ. Mùa hè năm 1905, Tôn Trung Sơn từ châu Âu về Tôkyô. *Con đường Trung Quốc - Hồng Kông - Nhật Bản; Trung Quốc - Triều Tiên - Nhật Bản, Trung Quốc - phương Tây - Nhật Bản là con đường đi của các chính khách, các nhà hoạt động chính trị.*

*Tóm lại*, vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, ở Trung Quốc đã diễn ra một trào lưu rầm rộ của nhiều thành phần, tầng lớp xã hội sang Nhật Bản với nhiều mục đích khác nhau, trong đó thanh niên Trung Quốc sang Nhật Bản du học là thành phần xã hội quan trọng nhất. Không giống với phong trào Đông du của Việt Nam, phong

trào Đông du Trung Quốc được diễn ra một cách công khai, được chính quyền nhà nước ủng hộ. Phong trào Đông du Trung Quốc và phong trào Đông du Việt Nam có nhiều điểm tương đồng và dị biệt. Tuy nhiên về thực chất, phong trào Đông du của Trung Quốc và Việt Nam là phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Do đó, phong trào Đông du Trung Quốc, Việt Nam diễn ra là *kết quả của mối tương tác giữa các yếu tố truyền thống và hiện tại, giữa yếu tố mang tính khu vực và yếu tố mang tính quốc tế, giữa yếu tố kinh tế, văn hóa và chính trị, giữa yếu tố bên trong và bên ngoài.*

#### **CHÚ THÍCH:**

1. Phan Bội Châu toàn tập (2000), t6, Nxb Thuận Hóa, Hà Nội, tr 176
2. Đề tỉnh quốc dân ca. Dẫn theo Nguyễn Văn Tận (2005), Từ công cuộc Duy Tân của Nhật Bản nhìn lại phong trào Duy tân Việt Nam (Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Việt Nam - 100 năm phong trào Đông du và hợp tác Nhật - Việt để bảo tồn, phát triển văn hóa Huế. Huế 10/2005), tr20
3. Như chú thích 1, tr150
4. Đinh Xuân Lâm (2005), Vị trí và ý nghĩa của phong trào Đông du trong Lịch sử cận đại Việt Nam, trích Phong trào Đông du và Phan Bội Châu, Nxb Nghệ An, tr11
5. Nguyễn Văn Hồng: Ý kiến trao đổi giữa tác giả và PGS. Nguyễn Văn Hồng, (Tháng 4/2007).
6. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), Đại từ điển tiếng Việt, Nxb Văn hóa - Thông tin, tr 679.

7. Hoàng Văn Hiến - Dương Quang Hiệp (2002), Bước đầu tìm hiểu về ảnh hưởng của công cuộc Minh Trị Duy Tân với một số nước châu Á vào những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á (số 3), tr 55.
8. Nguyễn Văn Hồng (2006), "Đông du Trung Quốc - Việt Nam" một hiện tượng lịch sử khu vực thời cận đại, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc (số 1), tr 37.
9. Thư Tân Thành (1927), Lịch sử du học thời cận đại Trung Quốc, Nxb Thượng Hải Văn hóa.
10. Vương Hiểu Thu (2003), Cận đại Trung Quốc và Thế giới, Nxb Tủ Cấm Thành, tr 237 – 241.
11. Shiraishi Masaya (2000), Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á. Tư tưởng của Phan Bội Châu về cách mạng và thế giới, t1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 366.
12. Như chú thích 8.
13. Như chú thích 10.
14. Vĩnh Sính (1999), Nhật Bản cận đại, Nxb Văn hóa Tùng Thư, tr109
15. Như chú thích 8, tr 41.
16. Nguyễn Thị Việt Thanh (2005), Nhật Bản - nhịp cầu chuyển tải tư tưởng và văn hóa phương Tây vào phương Đông, trích "Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX", Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr 21.
17. Như chú thích 11.
18. Saneto Keishu: Lịch sử lưu học Nhật Bản của người Trung Quốc, Hoàng Phúc Khánh: Lưu học Nhật Bản và phong trào cách mạng, dẫn theo Shiraishi Masaya, Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á. Tư tưởng của Phan Bội Châu về cách mạng và thế giới, t1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 367.
19. Thuật ngữ của Shiraishi Masaya.
20. Nguyễn Văn Hồng (1994), Lịch sử giáo dục Thời Minh Trị Duy Tân, Nxb Giáo dục, Hà Nội. Tr 5.
21. Triệu Nguyên, Trần Thụy Vân (1896), Trung Quốc cận đại giản sử, Nxb Cát Lâm, tr 40.
22. Nguyễn Văn Kim (2005), Cải cách Minh trị ở Nhật Bản, nguyên nhân thành công và ý nghĩa lịch sử, trích "Phong trào cải cách ở một số quốc gia Đông Á cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX", Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, mã số: QG.04.07, Chủ trì đề tài GS. Vũ Dương Ninh, Hà Nội, tr 64.
23. Vương Hiểu Thu (2002), So sánh nguyên nhân thành bại của Duy tân Mậu Tuất 1898 và Duy tân Minh Trị 1868, Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản (số 1), tr 43.
24. Đinh Xuân Lâm (chủ biên) (1997), Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr 61.
25. Thư Tân Thành (1927), Lịch sử du học thời cận đại Trung Quốc, Nxb Thượng Hải Văn hóa, tr 46.
26. Nguyễn Văn Hồng (2003), Giao lưu văn hoá Trung Quốc, Nhật Bản, Korea, Việt Nam trong tiến trình lịch sử, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội (số 2), tr 38.
27. Như chú thích 11, tr 339 – 440.
28. Shiraishi Masaya (2000), Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á. Tư tưởng của Phan Bội Châu về cách mạng và thế giới, t2, Sdd, tr24
29. Như chú thích 11, tr 43.
30. Như chú thích 11, tr 340.